TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/DS-PT
Ngày 11-5-2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm;

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi)".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2021/QĐPT-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 34/TB-TA ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 104/1A, khu phố T, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 185/2, khu phố Thạnh Bình, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn N: Bà Lê Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 104/1A, khu phố T, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2021).

- *Bị đơn*:

1. Ông Vương Vũ S, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 38/2, tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Vương Kim C, sinh năm 1942; địa chỉ: Số 38/2, tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 212/1A, khu phố T, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 212/1A, khu phố T, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Phi H2, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1203/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 24/3/2020).

6. Ủy ban nhân dân phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường ĐT743, khu phố Khánh Hòa, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tuấn K, chức vụ: Chủ tịch.

7. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố 2, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản Ủy quyền số 913 ngày 23/3/2021).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/9/2019 và ngày 17/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C và ông Lê Văn N thống nhất trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02675 ngày 02/6/2008 và số vào sổ CH 01219 ngày

31/5/2011 công nhận ông Lê Văn N và bà Lê Thị C là chủ sử dụng diện tích 278m^2 thuộc các thửa đất số 95, 96, 97 và 98, tờ bản đồ số 20, tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc các thửa đất số 95 và 96, tờ bản đồ số 20 là do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn T1 chứng thực số 413, quyển số 01/2008 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 12/5/2008. Nguồn gốc các thửa đất số 97 và 98, tờ bản đồ số 20 là do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông bà Nguyễn Thành T và Đỗ Thị H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng T công chứng số 4576, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/4/2011. Tuy nhiên, trước đó vợ chồng ông T cũng nhận chuyển nhượng các thửa số 97 và 98, tờ bản đồ số 20 từ bà Vương Kim C vào năm 2008.

Khi chuyển nhượng, bà Vương Kim C và gia đình ông Vương Minh H3 có thoả thuận để cho bên nhận chuyển nhượng một lối đi chiều rộng 02 mét ra đường ĐT746. Việc thoả thuận có lập văn bản đề ngày 21/5/2008 có chữ ký của ông Lê Văn N, bà Vương Kim C và bà Phạm Thị Thiên N1 (bà N1 là vợ của ông Vương Minh H3, là mẹ của ông Vương Vũ S và bà Vương Thị Kim Quyên). Việc thỏa thuận giữa bà Vương Kim C với ông Nguyễn Thành T có lập văn bản đề ngày 21/12/2007, có chữ ký của vợ chồng ông T, bà Vương Kim C, bà Phạm Thị Thiên N1, ông Vương Minh H3, ông Vương Vũ S và bà Vương Thị Kim Quyên. Tuy nhiên, đầu năm 2019, ông Vương Vũ S xây dựng nhà ở ngăn lối đi từ thửa đất của nguyên đơn ra đường ĐT746. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H trả lại lối đi lấn chiếm diện tích 12,1m^2 (chiều ngang 02m, chiều dài 6,05m) thuộc một phần thửa 66, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 043676, số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/7/2011.

2. Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Vũ S vào ngày 25/7/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 vào ngày 24/5/2008.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Tại các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Vương Kim C với ông Lê Văn N, bà Lê Thị C và giữa bà Vương Kim C với ông Nguyễn Thành T, bà Đỗ Thị H1 được Ủy ban nhân dân thị trấn T1 chứng thực ngày

12/5/2008 không thể hiện nội dung bà Vương Kim C đồng ý tách một phần diện tích đất thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 20 để tạo cho bên nhận chuyển nhượng một lối đi riêng chiều rộng hai mét. Tuy nhiên, các bên có lập văn bản với nội dung bà Vương Kim C đảm bảo cho bên nhận chuyển nhượng lối đi chung chiều rộng hai mét để ra đường ĐT746. Do lối đi chung hiện nay bị đơn và các hộ dân đang sử dụng đi ra đường ĐT746 không phải mở trên đất của bà Vương Kim C mà là do các bị đơn tự mở bằng cách đặt cống ngầm trên mương thoát nước chung. Năm 2008, khi các bị đơn đặt cống ngầm để làm đường đi thì nguyên đơn và gia đình ông Nguyễn Thành T có đặt cống ngầm nhưng nhằm mục đích thoát nước chứ không phải để làm đường đi. Vì vậy, bà C và ông N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H phải trả lại diện tích 12,1m^2 thuộc một phần thửa 66, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương để mở lối đi chung chiều rộng hai mét theo thỏa thuận, trong đó buộc ông Vương Vũ S phải trả diện tích 11,1m^2 và ông Lê Hữu H phải trả diện tích 1,0m^2.

2. Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Vũ S vào ngày 25/7/2017.

3. Kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 vào ngày 24/5/2008.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vương Vũ S trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 08030 ngày 25/7/2017 và số vào sổ CS 07981 ngày 25/7/2017 công nhận ông Vương Vũ S là chủ sử dụng diện tích 130m^2 thuộc các thửa đất số 20 và 66, tờ bản đồ số 20, tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc của các thửa đất số 20 và 66, tờ bản đồ số 20 là do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng T công chứng số 7503, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2017. Ông Vương Vũ S thừa nhận khi chuyển nhượng thì hai bên có thoả thuận đảm bảo cho gia đình ông Lê Văn N và gia đình ông Nguyễn Thành T một lối đi chiều rộng hai mét để ra đường ĐT746. Việc thoả thuận có lập văn bản như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, không tách diện tích đất thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 20, ông Vương Vũ S xây dựng nhà ở nhưng không lấn chiếm lối đi hai mét như nguyên đơn trình bày. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Vương Vũ S trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do như sau: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 08030 và số vào sổ CS 07981 ngày 25/7/2017 công nhận ông Vương Vũ S là chủ sử dụng diện tích 130m^2 thuộc các thửa đất số 20 và 66, tờ bản đồ số 20. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C. Việc cấp giấy chứng nhận cho ông S là đúng quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng thì bà Vương Kim C có đồng ý đảm bảo cho gia đình ông Lê Văn N và gia đình ông Nguyễn Thành T được sử dụng lối đi chung chiều rộng hai mét để ra đường ĐT746, chứ không phải là tách diện tích đất của bà C để tạo lối đi hai mét như nguyên đơn trình bày. Hiện nay, bị đơn vẫn đảm bảo cho nguyên đơn lối đi chung chiều rộng hai mét theo cam kết. Lối đi chung này là do các bị đơn và bà Vương Kim C xây dựng vào năm 2008 trên cơ sở đặt cống ngầm trên mương thoát nước chung. Thực tế vào năm 2008, gia đình ông Lê Văn N và gia đình ông Nguyễn Thành T cũng đặt cống ngầm trên mương thoát nước nhưng không đóng góp kinh phí làm đường đi.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu H trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM919864, số vào sổ H02676 ngày 14/5/2008 công nhận ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 là chủ sử dụng thửa đất số 93 và 94, tờ bản đồ số 20 tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C vào năm 2008. Theo Mảnh trích lục địa chính số 111-2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T cấp ngày 28/02/2020 có thể hiện phần đất của ông Vương Vũ S xác định có 4,4m^2 lấn qua thửa số 94, tờ bản đồ số 20. Tuy nhiên, ranh giới giữa số 94 và thửa số 66 của ông S đã được xác định rõ ràng bằng tường xây gạch bê tông do ông H và bà T1 xây dựng năm 2008. Khi xây dựng, các bên đều thống nhất ranh giới. Do đó, không yêu cầu ông Vương Vũ S phải trả lại diện tích đất 4,4m^2 nêu trên. Ngoài ra, gia đình ông H không lấn chiếm lối đi chung như nguyên đơn trình bày. Do đó, bị đơn ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Quyên trình bày:

Khi chuyển nhượng thì bà Vương Kim C có thoả thuận đảm bảo cho gia đình ông Lê Văn N và gia đình ông Nguyễn Thành T một lối đi chung chiều rộng hai mét để ra đường ĐT746. Việc thoả thuận giữa các bên có lập văn bản (viết tay) như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, không tách diện tích đất của bà C mà lối đi chung hai mét tạo ra trên mặt mương thoát nước chung chứ không nằm trong thửa đất số 66, tờ bản đồ số 20. Hiện nay, lối đi chung hai mét vẫn được đảm bảo, ông Vương Vũ S xây dựng nhà nhưng không lấn chiếm lối đi hai

mét như nguyên đơn trình bày. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị H1 trình bày:

Năm 2008, ông T và bà H1 có nhận chuyển nhượng thửa đất số 97 và 98, tờ bản đồ số 20, tại phường T1, thị xã T từ bà Vương Kim C. Đến năm 2011, ông bà đã chuyển nhượng toàn bộ các thửa số 97 và 98, tờ bản đồ số 20 cho ông Lê Văn N và bà Lê Thị C. Do đó, ông bà không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM919864, số vào sổ H02676 ngày 14/5/2008 công nhận ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 là chủ sử dụng thửa đất số 93 và 94, tờ bản đồ số 20, tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C vào năm 2008. Theo Mảnh trích lục địa chính số 111-2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T cấp ngày 28/02/2020 có thể hiện phần đất của ông Vương Vũ S xác định có 4,4m^2 lấn qua thửa số 94, tờ bản đồ số 20. Tuy nhiên, ranh giới giữa thửa số 94 và thửa số 66 của ông S đã được xác định rõ ràng bằng tường xây gạch bê tông do ông H và bà T1 xây dựng năm 2008. Khi xây dựng các bên đều thống nhất ranh giới. Do đó, không yêu cầu các đương sự phải trả lại diện tích 4,4m^2 nêu trên. Ngoài ra, gia đình bà T1 không lấn chiếm lối đi chung như nguyên đơn trình bày. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ông Võ Phi Hải trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 08030 ngày 25/7/2017 và số vào sổ CS 07981 ngày 25/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/7/2017 đứng tên ông Vương Vũ S được cấp đúng trình tự, thủ tục và theo quy trình đăng ký biến động trong trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại thời điểm thực hiện thủ tục đăng ký biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ thực hiện trích lục địa chính thửa đất trên cơ sở bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế. Về việc nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 08030 ngày 25/7/2017 và số vào sổ CS 07981 ngày 25/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/7/2017 đứng tên ông Vương Vũ S thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Tại Biên bản làm việc ngày 04/8/2020 và ngày 19/3/2021, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã T ông Nguyễn Tấn Lập trình bày:

Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02369/QSDĐ/TU ngày 03/3/2004 đứng tên hộ bà Vương Kim C đối với các thửa đất số 20 và 66, tờ bản đồ số 20 tại khu phố K, phường T1, thị xã T thì có tiến hành đo đạc thực tế nhưng không có sự chứng kiến và ký xác nhận của các chủ giáp ranh liền kề. Nguồn gốc các thửa số 20 và 66, tờ bản đồ số 20 do cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 05859/QSDĐ/TU ngày 05/8/1998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Vương Kim C.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02675 ngày 02/6/2008 đứng tên ông Lê Văn N và bà Lê Thị C được cấp trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/5/2008 của bà Vương Kim C. Khi cấp giấy có tiến hành đo đạc thực tế nhưng không có sự chứng kiến và ký xác nhận của các chủ giáp ranh liền kề.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01219 ngày 31/5/2011 đứng tên ông Lê Văn N và bà Lê Thị C được cấp trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/4/2011 của ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị H1. Khi cấp Giấy không tiến hành đo đạc thực tế, không có sự chứng kiến và ký xác nhận của các chủ giáp ranh liền kề.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02674 ngày 02/6/2008 đứng tên ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị H1 được cấp trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/5/2008 của bà Vương Kim C. Khi cấp giấy có tiến hành đo đạc thực tế nhưng không có sự chứng kiến và ký xác nhận của các chủ giáp ranh liền kề.

Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 ngày 14/5/2008 đứng tên ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 trên cơ sở nhận chuyển nhượng từ bà Vương Kim C theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn T1 chứng thực ngày 12/5/2008. Khi cấp giấy chứng nhận thì có tiến hành đo đạc thực tế và cắm mốc nhưng không có sự chứng kiến của các chủ đất giáp ranh. Đối với yêu cầu của nguyên đơn kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 ngày 14/5/2008 đứng tên ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[9] Tại Công văn số 1450/UBND-KT ngày 11/11/2020, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường T1, ông Phạm Tuấn Khanh trình bày:

Mương thoát nước tiếp giáp hướng Bắc các thửa đất số 66, 91, 94, 95 và 97, tờ bản đồ số 20, tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T hình thành từ trước

năm 1975 và hiện nay do Nhà nước quản lý. Lối đi tiếp giáp hướng Bắc các thửa đất số 66, 91, 94, 95 và 97, tờ bản đồ số 20 tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T hình thành vào năm 2007. Đây là lối đi do hộ bà Vương Kim C tự lắp đặt cống trên mương thoát nước để làm lối đi tự thỏa thuận giữa các hộ dân. Lối đi này không thuộc tuyến đường do Nhà nước quản lý. Đối với diện tích 4,5m^2 thuộc phạm vi mương thoát nước do Nhà nước quản lý thì đề nghị Tòa án xem xét giảm trừ phần diện tích mương thoát nước do không thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ dân.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C đối với các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung".

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C về việc buộc các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H phải trả diện tích đất 12,1m^2 thuộc một phần thửa số 66, tờ bản đồ số 20 tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương để mở lối đi chiều rộng hai mét.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C về việc kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Vũ S vào ngày 25/7/2017.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C về việc kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 vào ngày 24/5/2008.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 06/4/2021 nguyên đơn bà Lê Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn tự nguyện thanh toán cho ông H và ông S số tiền 25.000.000 đồng chi phí mà ông S và ông H đã bỏ ra để đổ bê tông trên lối đi chung; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đúng thời hạn theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 175, 176, 211 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 95, 100, 166 và 170 của Luật Đất đai năm 2013; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, sửa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C đối với các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung và yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"; buộc các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H phải dành diện tích 7,4m^2 để làm lối đi chung (theo bản vẽ); kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Vũ S vào ngày 25/7/2017 và điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 vào ngày 24/5/2008 để điều chỉnh hiện trạng dành lối đi chung diện tích 7,4m^2 trong đó 6,4m^2 thuộc thửa số 66 và 1,0m^2 thuộc thửa số 94 theo bản vẽ (không tách ra khỏi diện tích của các thửa số 66 và 94).

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Hữu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H phải trả lại diện tích 12,1m^2 thuộc một phần thửa 66, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương để mở lối đi chung chiều rộng hai mét theo thỏa thuận của chủ đất cũ là bà Vương Kim C, trong đó buộc ông Vương Vũ S phải trả diện tích 11,1m^2 và ông Lê Hữu H phải trả diện tích 1,0m^2. Bị đơn ông S và ông H cho rằng việc cấp giấy chứng nhận cho ông S và ông H là đúng quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng thì bà

Vương Kim C có đồng ý đảm bảo cho gia đình ông N, bà C và gia đình ông Nguyễn Thành T được sử dụng lối đi chung chiều rộng hai mét để ra đường ĐT746, chứ không phải là tách diện tích đất của bà C để tạo lối đi hai mét như nguyên đơn trình bày. Hiện nay, các bị đơn vẫn đảm bảo cho nguyên đơn lối đi chung chiều rộng hai mét theo cam kết. Lối đi chung này là do các bị đơn và bà Vương Kim C xây dựng vào năm 2008 trên cơ sở đặt cống ngầm trên mương thoát nước chung. Thực tế vào năm 2008 gia đình ông N và gia đình ông Nguyễn Thành T cũng đặt cống ngầm trên mương thoát nước nhưng không đóng góp kinh phí làm đường đi. Ngoài ra, gia đình ông S và ông H không lấn chiếm lối đi chung như nguyên đơn trình bày. Do đó, ông S và ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Theo hồ sơ cung cấp thông tin do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T cung cấp thể hiện: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02675 và số vào sổ CH 01219 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 02/6/2008 và ngày 31/5/2011 thì ông Lê Văn N và bà Lê Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 278m^2 thuộc các thửa số 95, 96, 97 và 98, tờ bản đồ số 20, tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C. Các thửa số 95, 96, 97 và 98 có tứ cận như sau: Đông giáp mương thoát nước chung; Tây giáp các thửa số 20 và 66; Nam giáp các thửa số 34 và 54; Bắc giáp mương thoát nước chung. Căn cứ vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 08030 và số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/7/2017 thì ông Vương Vũ S được quyền sử dụng diện tích đất 130m^2 thuộc các thửa số 20 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20, tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C. Các thửa số 20 và thửa số 66 có tứ cận như sau: Đông giáp các thửa số 95 và 96; Tây giáp các thửa số 93 và 94; Nam giáp thửa số 38; Bắc giáp mương thoát nước chung. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 14/5/2008 thì ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 được quyền sử dụng các thửa đất số 93 và 94, tờ bản đồ số 20, tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Vương Kim C vào năm 2008. Các thửa số 93 và 94 có tứ cận như sau: Đông giáp các thửa số 20 và 66; Tây giáp các thửa số 91 và 92; Nam giáp thửa số 38; Bắc giáp mương thoát nước chung.

[2.2] Tại Mảnh trích lục địa chính số 111-2020 ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T thể hiện diện tích tranh chấp là 12,1m^2. Trong đó: 11,1m^2 thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 20 đứng tên ông Vương Vũ S và 1,0m^2 thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 20 đứng tên ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1. Kết quả thẩm định tại chỗ xác định: Giáp ranh phía Bắc của

các thửa đất số 66, 91 và 94 là lối đi chung bằng bê tông chiều rộng từ 2,5 mét đến 03 mét do bà Vương Kim C và các bị đơn đóng góp xây dựng vào năm 2008 trên cơ sở đặt cống ngầm trên mương thoát nước chung. Lối đi chiều rộng hai mét mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích 12,1m^2 thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 20. Tài sản gắn liền với diện tích tranh chấp 12,1m^2 là nền bê tông do bà Vương Kim C, ông Vương Vũ S và vợ chồng ông Lê Hữu H cùng đóng góp xây dựng. Diện tích 1,0m^2 trên bản đồ địa chính thể hiện thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 20 đứng tên ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 nhưng thực tế bị đơn ông Vương Vũ S đang sử dụng làm sân và bậc thềm nhà bằng bê tông. Lý do là bản đồ địa chính thể hiện không đúng thực tế sử dụng đất của các bị đơn. Tại Công văn số 1450/UBND-KT ngày 11/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương có nội dung: Mương thoát nước tiếp giáp hướng Bắc các thửa đất số 66, 91, 94, 95 và 97, tờ bản đồ số 20 tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T hình thành từ trước năm 1975 và hiện nay do Nhà nước quản lý. Lối đi tiếp giáp hướng Bắc các thửa đất số 66, 91, 94, 95 và 97, tờ bản đồ số 20 tại tổ 2, khu phố K, phường T1, thị xã T hình thành vào năm 2007. Đây là lối đi do hộ bà Vương Kim C tự lắp đặt cống trên mương thoát nước để làm lối đi tự thoả thuận giữa các hộ dân. Lối đi này không thuộc tuyến đường do Nhà nước quản lý.

[2.3] Tại Biên bản làm việc ngày 04/8/2020 và ngày 19/3/2021, người đại diện của Ủy ban nhân dân thị xã T cung cấp thông tin như sau: Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02369/QSDĐ/TU ngày 03/3/2004 đứng tên hộ bà Vương Kim C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02675 ngày 02/6/2008 đứng tên ông Lê Văn N và bà Lê Thị C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02674 ngày 02/6/2008 đứng tên ông Nguyễn Thành T, bà Đỗ Thị H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 ngày 14/5/2008 đứng tên ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 có tiến hành đo đạc thực tế nhưng không có sự chứng kiến và ký xác nhận của các chủ đất giáp ranh liền kề. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01219 ngày 31/5/2011 đứng tên ông Lê Văn N và bà Lê Thị C thì không tiến hành đo đạc thực tế.

[2.4] Xét thấy: Tại "Hợp đồng mua bán đất" đề ngày 21/12/2007 giữa bên chuyển nhượng (bên A) là bà Vương Kim C với bên nhận chuyển nhượng (bên B) là ông Nguyễn Thành T có nội dung như sau*:"...5. Bên A đảm bảo đường đi cho bên B là 2m"*. Đồng thời, tại "Giấy nhận tiền bán nhà đất" đề ngày 21/5/2008 giữa bên chuyển nhượng là bà Vương Kim C với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Văn N và bà Lê Thị C có nội dung như sau: *"... Nếu có ai tranh chấp hay khiếu nại phần đất nhà này bà Vương Kim C sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, đảm bảo cho bên mua được sử dụng lối đi chung*

rộng 2 mét thẳng vào nhà đất đã bán". Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Vương Kim C với ông Lê Văn N, bà Lê Thị C và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Vương Kim C với ông Nguyễn Thành T, bà Lê Thị Hoa được Ủy ban nhân dân thị trấn T1 chứng thực ngày 12/5/2008 không thể hiện nội dung bà Vương Kim C đồng ý tách một phần diện tích đất thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 20 để tạo một lối đi chiều rộng hai mét. Tuy nhiên, tại "Hợp đồng mua bán đất" đề ngày 21/12/2007 giữa bên chuyển nhượng (bên A) là bà Vương Kim C với bên nhận chuyển nhượng (bên B) là ông Nguyễn Thành T và tại "Giấy nhận tiền bán nhà đất" đề ngày 21/5/2008 giữa bên chuyển nhượng là bà Vương Kim C với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Văn N và bà Lê Thị C thì bà Vương Kim C đồng ý đảm bảo cho bên nhận chuyển nhượng một lối đi chung chiều rộng hai mét để đi từ đường ĐT746 vào các thửa đất nhận chuyển nhượng. Sự thừa nhận nêu trên của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn đều thể hiện: Đất nguyên đơn bà C, ông N bị vây bọc bởi bất động sản liền kề và mương thoát nước chung do Nhà nước quản lý, phần diện tích lối đi đang tranh chấp là lối đi duy nhất để vào nhà của bà C, ông N. Ngoài lối đi này, gia đình bà C, ông N không còn lối đi nào khác. Do bà Vương Kim C đã thoả thuận đảm bảo cho nguyên đơn có lối đi chung chiều rộng hai mét để đi từ thửa đất của nguyên đơn ra đường ĐT746 nên nguyên đơn mới nhận chuyển nhượng đất của bà Vương Kim C. Phần đất ông S và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Vương Kim C. Hiện nay, nguyên đơn và các bị đơn vẫn đang sử dụng lối đi chung chiều rộng từ 2,5 mét đến 03 mét do bà Vương Kim C và các bị đơn tự mở do đặt cống ngầm trên mương thoát nước chung để đi từ thửa đất của mình ra đường ĐT746. Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H trả lại lối đi lấn chiếm, cụ thể: Ông S có trách nhiệm trả lại diện tích 6,4m^2 thuộc thửa số 66; ông H có trách nhiệm trả lại diện tích 1,0m^2 thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương để làm lối đi chung theo quy định tại các Điều 245, 246, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 4, Điều 5, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Đối với diện tích 4,5m^2 thì tại Công văn số 1450/UBND-KT ngày 11/11/2020, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường T1 xác định phần diện tích này thuộc phạm vi mương thoát nước do Nhà nước quản lý nên không có căn cứ để Hội

đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận diện tích 4,5m^2 là lối đi chung.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện thanh toán cho ông H và ông S số tiền 25.000.000 đồng chi phí mà ông S và ông H đã bỏ ra để đổ bê tông trên lối đi chung. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Do phần diện tích lối đi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả lại được Tòa án chấp nhận nên cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS 07981 ngày 25/7/2011 đứng tên ông Vương Vũ S và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 ngày 24/5/2008 đứng tên ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 để điều chỉnh cấp lại theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ các Điều 245, 246, 254 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C đối với các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung".

- Buộc bị đơn ông Vương Vũ S có trách nhiệm trả diện tích 6,4m^2 thuộc thửa số 66; ông Lê Hữu H có trách nhiệm trả diện tích 1,0m^2 thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 20 tại khu phố K, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương để làm lối đi chung của gia đình ông Lê Văn N, bà Lê Thị C, ông Vương Vũ S, ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 (có ký hiệu A và B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lê Văn N, bà Lê Thị C về việc thanh toán cho ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H số tiền 25.000.000 đồng chi phí mà ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H đã bỏ ra để đổ bê tông trên lối đi chung.

- Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS 07981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Vũ S vào ngày 25/7/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02676 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Lê Hữu H và bà Trần Thị T1 vào ngày 24/5/2008 để cấp lại theo nội dung của phần quyết định này.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C đối với các bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung" đối với diện tích 4,5m^2 thuộc phạm vi mương thoát nước do Nhà nước quản lý.

1.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Bị đơn ông Vương Vũ S và ông Lê Hữu H phải liên đới nộp số tiền 4.061.000 đồng để trả cho ông Lê Văn N và bà Lê Thị C đã nộp tạm ứng trước đây tại Tòa án cấp sơ thẩm.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị C phải liên đới chịu số tiền 337.500 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho ông Lê Văn N và bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí còn lại 762.500 đồng theo Biên lai thu tạm tiền số 0037243 ngày 13/9/2019 và Biên lai số 0052245 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn ông Vương Vũ S phải chịu số tiền 450.000 đồng.

- Bị đơn ông Lê Hữu H phải chịu số tiền 300.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị C không phải chịu, hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu tiền số 0052328 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền